

DÂM DỤC LÀ ĐẠO

(Trích trong Hoa Vũ tập bốn của Đại Sư Ấn Thuận 1906-2005)

1. Vô thượng Du già, trong Bí mật Đại thừa, có nội dung hết sức phong phú, nhưng có đủ tính chất giống với Tính lực phái trong Ấn độ giáo. Đó là sự bí mật về nam nữ hòa hợp. Nó được chép vào sách “Thế giới Phật học danh từ dịch tùng” (tập 97) và sách “Ấn độ tư tưởng dữ tôn giáo” (tập 40 trang 104, 105) có nói:

(Đời Đường ngài Huyền Trang đã thấy) “Đa số khu vực Phật giáo ở phương Bắc và phương Nam đã suy lạc lắm rồi. Sự suy lạc này là do sự kết hợp bất hạnh mà tăng tốc của những ma thuật sùng bái tính lực, với chủ nghĩa bí mật hình thức “sắc tình trong Phật giáo”.

“Tôn giáo Ấn độ có một điểm duy nhất đặc biệt, dù khó thảo luận nhưng nó vẫn dắt người ta chú ý. Tôi chỉ ra đó chính là sự sùng bái lực lượng của Sinh thực, mà thường thấy ... là sùng bái nữ thần, nó tồn tại trong nhiều quốc gia. Sùng bái này rất nổi trội ở các xứ Ba-tử-luân, Tiểu Á, Tế Á, và ở Ai cập dù không nổi trội lắm nhưng nó hiển nhiên vẫn tồn tại. Nghi thức cầu cúng thần linh này, tại nhiều quốc gia đều là vết tích ghi nhận trên lịch sử tùy theo văn hóa càng phát triển thì nó càng bị tiêu diệt dần. Chỉ tại Ấn độ và Tây tạng, vốn chịu ảnh hưởng của Ấn độ, bắt đầu từ một trình độ nào đó rồi lưu hành mãi cho tới hiện đại, họ không xem đó là việc xấu hổ! Tập tục ấy, chủ yếu thịnh hành ở Mạnh-gia-lạp và A-tát mẫu (Bengale, Assam) qua trung gian sự sùng bái tính lực. (khu vực này từ trước thịnh hành Vô thượng Du già) mà một ít giáo phái Tỳ-sắc-nữ (Visnu) cũng chấp nhận hành vi buông thả. Cả hai đều bị đại đa số tín đồ Ấn độ giáo có danh tiếng chỉ trích nhưng cũng là điều mà những người thực hành giáo dục có năng lực đã biện hộ.

Những tư liệu vừa dẫn trên, đều rút ra từ quyển sách Sử cương Ấn độ giáo Phật giáo do tác giả người Anh là ông Charles. N.E Eliot viết, ông Lý Vinh Hi dịch ra Trung văn. Từ việc sùng bái nữ thần mà dẫn đến những “ nghi thức tạp nạp bản thủ, hành vi phóng túng”. Có khi nó bị tiêu diệt bởi sự phát triển của văn hóa, nhưng sự lưu hành phái Tính lực ở Ấn độ, từ Ấn độ truyền vào Vô thượng Du già của Tây Tạng, lại tồn tại trong sự phát triển văn hóa, kết hợp cùng với những lý luận nào đó mà lưu truyền đến nay đều tin cho rằng “hợp nhất với thần”, “tức thân thành Phật”, là những hành vi của thần Thánh. Có người cho rằng tạp nạp bản thủ đáng xấu hổ, có người cho rằng đó là thần Thánh vô thượng. Hành vi mang tính chất thần bí lưu truyền cả trăm ngàn năm,

tôi không muốn luận đoán nó là tốt hay xấu, mà chỉ thuật thêm những gì mình hiểu rõ thôi.

2. Tôn giáo sùng bái nữ thần và Tính lực thần bí là dấu vết sót lại của tín ngưỡng thần bí nguyên thủy trong thời ban sơ văn minh nhân loại đương nhiên nó có những diễn biến theo sự phát triển của văn hóa. Xã hội thị tộc nữ quyền nguyên thủy là người dân chỉ biết mẹ mà không biết có cha. Ai nấy đều được sanh ra từ sinh dục của người nữ, người nữ trở thành trung tâm của thị tộc, và đương nhiên người nữ cũng chính là lãnh tụ của thị tộc. Như sử tích họ Hạ lưu truyền trong thời cổ đại Trung quốc, đã biểu thị rõ ràng một sự thật đó.

Đời nhà Hạ đã bước vào thời người nam là trung tâm, thời đại của gia trưởng là cha, nhưng quân chủ hãy còn xưng là Hậu, như Hậu Vũ, Hậu Khải,

Hậu Nghệ .v.v.... Trong văn giáp cốt thì chữ Hậu là hình tượng của người nữ sinh dục con gái. Gọi lãnh tụ là Hậu, thì tên gọi đã biểu thị thời đại nữ quyền. Trong quốc ngữ còn để lại danh từ Hậu Đế. Thời xã hội nguyên thủy, chính, giáo (chính trị, tông giáo) bất phân, Hậu đế trong xã hội nhơn gian cũng là một vị thần trong tín ngưỡng thần bí (tổ tiên thị tộc). Nữ thần trong Hạ tộc chính là Nữ Oa: “Bà Nữ Oa luyện đá ngũ sắc để vá trời xanh, chặt chân con ba ba để lập Tứ cực, giết con rồng đen để cứu vớt cửu châu, chứa tro sậy để ngăn nước chảy lan tràn, sau đó đất bằng phẳng, trời hình thành, không đổi vật cũ” (Lãm Minh trong sách Hoài Nam tử)

Bà Nữ Oa đã xây dựng lại trời đất sau khi nó bị phá hoại. Sách kinh Sơn Hải có nói: “Trong một ngày mà bà Nữ Oa có bảy mươi biến hóa”. Thời nhà Hán trong những phiến đá có khắc bà Nữ Oa và Phục hy (truyền thuyết là anh em gái), đó là hình con rắn và rồng quấn đuôi nhau. Đây là nữ thần được lưu truyền từ thời Trung quốc cổ đại (cũng là lãnh tụ thị tộc). Từ hình quấn đuôi được tạc vào đá ấy, có ý cho hiểu rằng đó là sự thần bí của sinh thực khí nữ tánh; từ trong đó những sinh mạng mới nối tiếp nhau, được đưa ra không dứt. Một cảm nhận thần bí (người xưa cho là thần bí) này khi văn hóa phát triển thì diễn hóa thành đạo học thâm huyền như Lão tử nói: “Hang thần bất tử, đó gọi là Huyền Tẫn. Cửa của Huyền Tẫn là gốc của trời đất”, Huyền Tẫn, Chu Hy giải thích rằng: Huyền là Diệu (hay tuyệt). Tẫn là nhận lấy cái gì đó sinh ra vật (Chu Tử toàn thư, Lão tử).

Nói thật chính xác thì chỉ là ý nghĩa hàm xúc thôi. Chữ Tẫn vốn là bộ Thủy bình thanh, là âm khí của nữ tính (sau này có người tạo thêm một nét là Truy đồng âm với chữ Truy cũ). Trong động vật, thì đời xưa

trâu cái được viết là Tẫn, ngựa cái viết là Truy, Nai mẹ viết là Li, nhưng đời sau viết chung là chữ Tẫn. Con người sơ khởi viết là Tỷ sau viết thành Tỷ trở thành danh từ chỉ Tổ mẫu (bà), mẹ. Thế nên, Huyền Tẫn là nữ âm thâm sâu bí hiểm vi diệu, hình dung bằng đại đạo sinh mãi mãi không dứt. Tẫn thì rộng rộng bên trong nhưng sinh mãi mãi không thôi, cho nên gọi là “hang thần”. Sách Đại Đối Lễ, Dịch Bản Mệnh nói:

“Gò đồng là Mẫu (con đực) hang lạch là Tẫn (con cái). Hang là hang lạch, khe nước, bên trong trống rỗng nhưng nguồn nước chảy ra, không hết, nó đồng từ đồng nghĩa với hình tượng Tẫn. Hang thần là cái hang thần diệu, là vĩnh hằng (bất tử). Đó là Tẫn của sự thâm huyền không thể lường được. Nghĩa “hư tĩnh, thủ thư” của Lão Tử là đều căn cứ vào đây mà dẫn ra. Huyền Tẫn là đại đạo căn nguyên của vũ trụ (gốc của trời đất). Nhân loại tiến bộ đến việc thành lập gia đình, vợ chồng kết đôi, đã là thời đại nam tính làm trung tâm, thì lý u huyền cũng chính là “Một âm một dương gọi đấy là Đạo”. Văn hóa mỗi ngày mỗi phát triển mà sự kính sợ thần bí của nữ thần nữ âm nguyên thủy vẫn còn tiềm ẩn trong lòng người lan rộng đến sau. Cho đến tận bây giờ thì Vô cực Thánh mẫu, Vô sanh Lão mẫu” là đạo mà người ta sùng kính xuyên suốt, nó không phải là biến hình của tín ngưỡng nữ thần nguyên thủy.

Sự cảm nhận thần bí của con người thời Nguyên thủy đối với nữ âm vào thời đại người nam là gia trưởng thì đã diễn hóa thành cơ sở cho người nam (nam và nữ) nắm giữ được cái ý nghĩa thần bí của đực lạch. Lý tưởng của loại tôn giáo bí mật này đại loại cũng tức là: Tính lực phái của Ấn độ giáo với thần và người kết hợp làm một, Vô thượng Du già của Bí mật Đại thừa với “tức thân thành Phật” và thuật Phòng trung của Đạo gia ở Trung quốc với đắc đạo lên Tiên. Nghệ

Văn Chí, Phương Kỹ Thiên-Hán Thư do ban Cố trước tác vào thế kỷ thứ nhất Tây lịch, nói thuật phòng trung gồm có tám nhà, có thể thấy đời Tây Hán ban đầu lấy tư tưởng Hoàng lão để trị nước, khi đó thuật phòng trung hết sức thịnh hành.

Thuật phòng trung không chỉ là tính giao thông thường mà nó còn là phương thuật riêng nữa. Tư tưởng Đạo gia của Trung quốc, biểu hiện căn bản trong Lão, Trang. Lão tử nói đến Huyền Tẩn là căn bản của trời đất là “gốc rễ sâu chắc bền vững, đạo trường sinh còn hoài”, Trang tử nói đến “Tọa vong” “Hư thất sinh bạch, cát tường chỉ chỉ” (nhà trống sinh trắng, cát tường ngưng và ngưng). Rõ ràng là nó chung với cảnh định (thiên) của thế gian.

Năm cuối thời Chiến quốc, đạo Phương sĩ thịnh hành, có thể nói

đó là tiếng nói trước tiên của Đạo giáo. Ngoài việc nhờ vào phù lục trị bệnh ra, Đạo giáo còn là một loại cao cấp, có thuốc tiên cầu trường sinh bất lão, chuyên nấu luyện linh đơn, vàng bạc, uống ăn mà cầu sống lâu. Đối với việc tu trị thân thể bản thân Trương Lương thời Hán sơ (thế kỷ II Tây lịch) đã hướng dẫn việc tu không ăn cơm gạo (Sử ký, Lưu hầu thế gia), và cầu Tiên thì hướng dẫn thuật hành khí (vận khí). Thời Hoàn đế Đông Hán, An Thế Cao đến Trung Hoa dịch kinh An Ban Thủ Ý. An ban (ānapana) có nghĩa là hít thở ra vào, là pháp môn dùng sự hít thở tu tập chỉ quán để đạt được định tuệ. Lúc này Đạo gia tu “thổ nạp” (tức hít thở) cũng rất lưu hành. Đời Đông Hán, Trương Hành trong Nhạc Phủ có nói: “Tổ nữ là thầy ta, Thiên lão dạy Hiên Hoàng (Huỳnh đế). (Tổ nữ là nữ thần tinh về âm nhạc cũng như tinh về thuật tính giao) Vương Sung, trong Luận Hành có nói: “Tổ nữ đối với Huỳnh đế bày phép năm nữ”. Trong truyền thuyết của Đạo gia thì Tổ nữ (Tiên nữ) đã dạy cho Huỳnh đế tu thuật phòng trung của nam nữ giao hợp. Nhờ vậy Huỳnh đế mới đắc đạo mà lên trời Đạo gia. “bày phép năm nữ” của Đạo gia thì trong Vô thượng Du già có thể nhiều đến chín người. Từ Lăng trong “Đáp Chu Xứ Sĩ Thư” nói “Nhàn tản cúi ngược hết mực kinh văn Tổ nữ, thăng, giáng, doanh, hư, tận đồ lục Hiên Hoàng “Cái thăng, giáng, doanh, hư của Tổ nữ thuật phòng trung ấy há không đúng là đề, giáng, thâm, phóng của Vô thượng Du già đó sao?

Sự thần bí của việc nam nữ giao hợp, nhất định phải tu gió là hít thở, vận khí thông mạch. Khi giao hợp có thể giải đề, giáng, thâm, phóng tinh dịch tự tại mới được. Một thứ tu luyện này của bọn Phương sĩ Trung quốc tồn tại ở đời sau gọi là “Thiên sư đạo mà khởi nguồn ở cuối đời Hán với ba ông Trương có khẩu hiệu Thái bình đạo hoặc đạo năm đầu gạo (Ngũ đầu mễ đạo). Đầu thế kỷ thứ năm Tây lịch, Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi thời Nguyên Ngụy truyền ra “Vân Trung Âm Tụng Tân Khoa Chi Giới” và bao gồm những sách biên vào “Đạo tạng” như Đồng Thần bộ, Giới luật loại, được gọi là Lão Quân Âm Tụng giới Kinh. Sách Ngụy Thư, Thích Lão Chí, có dẫn văn nói rằng:

“Giới Kinh này của Ta (Thái thượng lão quân tự xưng) từ khi trời đất được mở mang tới nay, không truyền ở đời. Nay vận số đã phát ra, người hãy tuyên nói môn học mới của ta, để chỉnh đốn làm trong sạch lại Đạo giáo, xua trừ nguy pháp của ba ông Trương, chủ trương thuế gạo tiền thuế và thuật nam nữ giao hợp. Đại đạo trong sáng, rỗng rang, há có chuyện như vậy sao? Phải chuyên đem lễ độ làm hàng đầu, rồi thêm vào bằng ăn uống bế luyện”.

Ba ông Trương là Trương (Đạo) Lăng, Trương Hành, Trương Lễ. Năm cuối đời Đông Hán, trào lưu Đạo giáo rất mực hưng thịnh. Như (giác Huỳnh Côn), Thái bình đạo của Trương Giác, “Đạo năm đầu gạo” của Trương Tu đều cùng

chung thanh khí với Trương Lỗ. Trương Lỗ là cháu của Trương Lăng, kế thừa phù lục (sách bói toán v.v...) của Trương Lăng, trị bệnh đuổi quỷ. Người tin theo Đạo giáo mỗi năm bắt nộp năm đấu gạo, gọi là gạo tế trời. Đó là điều mà Khấu Khiêm Chi đã nói: Ngụy pháp của ba Trương, thuế gạo thuế tiền. Nói thuật nam nữ hợp khí ấy chính là thuật phòng trung. Theo sách “Lão quân âm tụng giới kinh” nói, thì lúc ấy “Dâm phong đại hành, tổn nhục Đạo giáo”. Khấu Khiêm Chi phải quét trừ ngụy pháp của ba ông Trương mà thành lập Thiên Sư đạo mới với chủ trương: Dem lễ độ làm hàng đầu rồi thêm vào bằng ăn uống bế luyện. Lễ độ là lễ nghi pháp độ, cung kính làm theo lễ giáo của Nho gia. Ăn uống bế luyện là hương dẫn, phục khí (điều trị khí), tịch cốc và thuật trường sanh nấu luyện tiên đơn. Từ các dẫn chứng đã nói, có thể thấy thuật nam nữ thần bí đã được lưu hành rất rộng trong Thiên sư đạo. Người theo Đạo giáo từ bấy lâu không hề bỏ một phương thuật nào mà chỉ là thêm ẩn mật một chút. Vào đời Đường (Đạo giáo) Nam tông trong thiên “Ngộ chân” cũng vẫn là nằm trong thuyết “Gốc tại nhà kia” chứ!

3/ Đức Thích-Ca Mâu-Ni khai sáng Phật pháp đầu tiên tại Ấn độ với mục đích cuối cùng là giải thoát. Về việc nam nữ của đệ tử tại gia thì sinh hoạt vợ chồng chánh đáng bình thường đều phải tuân theo phép nước cũng như luân lý xã hội đã chấp nhận; đệ tử xuất gia thì phạm hạ- nh ly dục, nghiêm trì giới hạnh không được phi phạm hạnh, (dâm dục). Người tại gia hay xuất gia đều có thể do tu hành mà được giải thoát. Nhưng vì sao tại gia sống đời có vợ chồng, còn xuất gia thì phải giữ giới không được phi phạm hạnh? Điều đó, sẽ được giải thích ở cuối thiên sách này.

“Ăn sắc là tính” , con người luân chuyển trong sanh tử, đúng là có bản năng và nhu cầu cần thiết ấy. Bởi có loại như tính hưởng hạ, (không hoàn thiện) nên Phật pháp trong thời kỳ phát triển lần hồi đều có loại tương tự như Tính lực phái (Sakta) của Ấn độ, và thuật phòng trung của Đạo gia Trung quốc xuất hiện. Ban đầu lưu hành tiềm ẩn, hoặc biểu thị bằng thần bí ám muội, đến thế kỷ thứ tư , năm Tây lịch thì mới dần dần lưu hành công khai hẳn hoi. Trong đây, trước tiên nêu ra một Kinh, một Luận, một sự thật, một truyền thuyết, để thuyết minh vấn đề này.

Một Kinh đó chính là Kinh Bất khả tư nghì giải thoát, được biên vào phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm. Phẩm Nhập Pháp Giới được đưa vào Trung quốc rất sớm. Đại Trí độ Luận của Ngài Long Thọ thường dẫn dụng phẩm ấy, và nó được tập thành vào khoảng cuối thế kỷ thứ hai Tây lịch. Phẩm Nhập Pháp Giới, thuật lại quá trình Thiện Tài (Sudhana) đồng tử tham phượng cầu học với thiện tri thức. Trong số thiện tri thức đó có một vị là Bà-tu-mật-đa (Vasumitra) là nữ Bồ tát xinh đẹp nhất. Công đức trang nghiêm của Bà-tu-mật-đa, có thể nói là dùng sắc tướng để độ chúng sanh , như phẩm Nhập Pháp Giới trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh (quyển 68) bản dịch đời Đường, nói: “Nếu trời thấy ta, thì ta là Thiên nữ hình mạo sáng rực tuyệt đẹp không ai sánh bằng. Như vậy, cho đến người, phi như v.v... mà trông thấy ta thì ta bèn hiện thân người và phi như nữ, tùy sự ước muốn của họ, ta đều giúp cho được trông thấy hết. Nếu có chúng sanh bị ý dục trói buộc đi đến chỗ ta thì ta sẽ nói pháp cho. Kẻ ấy nghe pháp xong, thì lia được tham dục ngay”.

“Nếu có chúng sanh vừa thấy ta thì họ lia tham dục, ... vừa nói chuyện với ta ... Hoặc có chúng sanh vừa nắm lấy tay ta thì lia tham dục”.

“Nếu có chúng sanh vừa ngồi trên tòa (giường) của ta ... vừa nhìn ta ... thấy

ta duỗi tay nhiều lần ... thấy ta nháy mắt.. ôm lấy ta... Nếu có chúng sanh hôn lên môi ta... thì họ lia tham dục”.

“Hễ chúng sanh gần gũi bên ta, cả thấy đều được trụ vào bờ bến lia tham, bước vào Nhất thiết trí địa của Bồ tát, hiện tiền đạt vô ngại giải thoát...”

Căn cứ vào kinh văn nói thì đây là một cánh cửa phương tiện của đại Bồ tát hóa độ chúng sanh. Bà-tu-mật-đa là Thiên (thần) cũng là người (và phi nhân) là nữ Bồ tát của Thần, người hợp nhất. Ngài vì nói pháp cho chúng sanh nam tính, giúp họ lia bỏ tham dục, chẳng những nói pháp mà còn nắm lấy tay, ôm ấp, hôn môi v.v... để khiến chúng sanh nam kia lia tham dục. Theo truyền thuyết Phật pháp, chúng sanh không cùng loại, có việc dâm cũng bất đồng, như hai hai giao hội, ôm nhau, nắm tay, ngó nhau mà cười, mắt chăm chú nhìn nhau v.v... đều có thể thỏa mãn việc dâm mà nhiệt não bèn dứt (Luận Du già sư địa quyển năm). Chúng sanh thông thường khi đã thỏa mãn việc dâm rồi, nhiệt não bèn dứt, nhưng không lâu lại có đòi hỏi dâm dục đốt nóng lên. Bà- tu-mật-đa có thể không đồng, từ ngó, nắm tay, ôm ấp, hôn v.v... nhờ vậy giúp chúng sanh vĩnh viễn lia tham dục.

Đây rõ ràng là pháp môn “Lia dục bằng dục” và Vô thượng Du già (anuttara-yoga) của bí mật Đại thừa khởi sau này dù hai bên không nhất trí hoàn toàn, nhưng đã truyền đạt tới cùng tin tức là từ trong dâm dục lia dục. Đặc biệt ở đây có một vấn đề, Bà-tu-mật-đa là người “hiểm nạn” địa phương. Hiểm nạn tiếng Phạm là Durga-Đột-già chính là biệt danh của Ô ma (U mã), Thiên Hậu, Thấp-bà (Siva), Tự tại thiên trong Ấn độ giáo. Đột già vốn tồn tại trong Thần giáo Ấn độ rất sớm. Về sau từ phái Thấp-bà chia thành Tính lực phái, đó là coi Durga là thần chúa. Lại nữa, chữ “Bà-tu” của Bà-tu-mật-đa, hoặc dịch là Bà-tẩu, là tiếng chỉ chung một bộ phận Thiên thần của Ấn độ. Bà tẩu Thiên, Bà tẩu Thiên nữ, Bà tẩu đại tiên các tên gọi ấy thường gặp trong giáo điển của Bí mật Đại thừa. Bà tẩu là Thiên (thần). Mật-đa dịch là Hữu (bạn). Do vậy, Bà-tu-mật-đa có thể giải thích là bạn gái của thiên thần. Đột già và Bà-tu-mật-đa xuất hiện ở phẩm Nhập Pháp Giới trong pháp môn lấy dục lia dục, quyết không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà cùng với Vô thượng Du già và Tính lực khởi lên sau này, nó có một mạch tương thông quan hệ nhất định. Phẩm “Nhập pháp giới” viên dung vô ngại đã dung nhiếp một pháp môn bí mật này, nhưng ở người học Phật thông thường thì trong tâm, mắt họ có ít nhiều đúng, sai không thể phân minh, cảm giác chánh, tà khó nói thông.

Một luận là A-tỳ-đạt-ma-Tập luận do Bồ tát Vô Trước (Asanga) tạo ra vào thế kỷ thứ tư Tây lịch. Nơi tập luận quyển thứ bảy phẩm Luận Nghị trong phần Quyết trạch, luận đến “Bí mật quyết trạch”, dẫn kinh nói rằng:

“Lại khế kinh nói: Đại Bồ tát thành tựu năm pháp, gọi là người phạm hạnh thành tựu phạm hạnh thanh tịnh bậc nhất. Những gì là năm?”

1/ Thường cầu lấy dục lia dục. 2/ Bỏ đoạn
trừ pháp dục.

3/ Tham dục sanh rồi, thì phải kiên trì. 4/ Sợ đối
trị pháp dục.

5/ Hai hai thường gặp.

Hai hai thường gặp, nguyên văn, viết lầm thành “thường ăn”, căn cứ “Tập Tập luận” quyển sáu, cải chính. Năm pháp mà kinh trên nói, nếu theo văn mà giải thích thì một là cầu pháp môn từ trong dâm dục lia dục; hai là không dùng pháp môn đoạn dục thông thường; ba là như dục tham đã sinh khởi rồi phải một

mục kiên trì bỏ; bốn là chán ghét pháp môn đối trị tham dục. Năm là nam nữ thường giao hợp. Phật pháp vốn là tu phạm hạnh ly dục, như vậy kinh dẫn ấy đúng là trái ngược nhau. Không dùng đoạn dục, trái lại còn xưng là phạm hạnh thanh tịnh bậc nhất. Loại nói này không hợp với ngữ ngôn của Phật pháp chánh đạo. Như nói “nghịch hại cha và mẹ, vua và hai đạ văn, tru quốc và tùy hành, nói kẻ ấy thanh tịnh” (Tập luận quyển 7). Nên giải thích thế nào đây? Ngài Vô Trước trong Tập luận quyển sáu, lại gọi đó là sự chuyển biến bí mật (rinammanabhisamdhi) Có ý nói: Ngữ cú ẩn mật, không thể căn cứ văn nghĩa thông thường mà giải thích, phải chuyển biến ngược lại để giải thích, mới khỏi gây hiểu lầm. Như “hai hai thường gặp” thì trong A tỳ đạt-ma Tập luận quyển mười sáu giải thích: “Đối với nhân, quả nhiễm tịnh khác nhau trong bốn Chân đế, lấy hai đạo thế, xuất thế, hai đạo Xa ma tha (chỉ) Tỳ bát xá na (quán) thường thường chứng hội”. Thời đại của Vô Trước, Thế Thân (Vasdlbandha), pháp môn lấy dục lìa dục đã bắt đầu lưu hành, đó chính là mật pháp về nam nữ hòa hợp của Vô Thượng Du già. Một pháp môn bí mật vô tình hé lộ rất sớm, và tồn tại đường hoàng trong Phật pháp nhưng vẫn không thể được dung nhận. Thế nên, Vô Trước đã làm luận quyết trách thuyết bất liễu nghĩa của Bí mật đó.

Đời Đường, Ngài Bất Không đến Trung-Hoa năm 746 Tây lịch, dịch “kinh Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Đại Giáo Vương”. Trong “Quảng bốn” một vài lần nói đến Liên hoa (hoa sen) cùng hợp với Kim cang chữ (chày Kim cang) đây nói đó là tối thượng lạc v.v...” Ngài Bất Không biết rõ, cho nên trong cuốn “Đại lạc Kim Cang Bất Không Chân Thật Tam muội-da kinh Bát-nhã Lý Thú Thích” quyển hạ, Ngài nói: “Tưởng mười sáu vị đại Bồ tát, lấy kim cang của mình (nam căn)cùng hoa sen kia (nữ căn) hai thể hòa hợp, thành là định, tuệ. Thế nên, trong Quảng phẩm Du già, mật ý bảo hai căn giao hội, năm trần thành đại Phật sự”. Ngài Bất Không không nói thật thể của nam nữ hòa hợp mà nói quán tưởng nam nữ hòa hợp tu thành định tuệ tương ứng. Nói hai căn giao hợp là mật ý cùng với Vô Trước nói có phần tương đồng. Thật sự, vào thời đại Bất Không, Vô Thượng Du già của Ấn độ với pháp môn nam nữ hòa hợp tức thân thành Phật đã khá thịnh hành rồi. Ngài Bất Không giải thích như vậy, có lẽ cảm thấy không hợp với quan niệm luân lý của Trung Quốc, sợ đưa đến những chứng ngại nên cố ý nói như thế thôi!

Một sự thật: Theo sử Phật giáo Trung quốc, Ngài Đàm Vô Sấm là một Đại sư phiên dịch lỗi lạc. Kinh Đại Bát Niết bàn bản do Ngài dịch, quyển bảy và quyển hai nói: “Phật pháp có ngã, ngã ấy là Phật tánh, ngã tức là Như Lai tạng, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đó là nghĩa ngã”. Vào thời đại Phật pháp Đại thừa hậu kỳ luận đề trọng yếu chính là Như Lai tạng, Ngã, Phật tánh mà trong những sách kinh Đàm Vô Sấm dịch đã nói rõ đầy đủ. Ngoài kinh Đại Niết bàn bản, bốn mươi quyển Ngài còn dịch Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, Đại Phương Đẳng Đại vân Kinh, Kim quang Minh kinh, Bồ tát Địa Trì Kinh, Du Già Sư Địa luận, Bồ tát địa, cổ dịch, Ưu bà tắc giới kinh v.v... . Đại thừa hậu kỳ khai triển tại Trung quốc, thì Đàm Vô Sấm đã có nhiều cống hiến, Ngài dịch kinh ở Cô Tàng đời Bắc Lương, nhờ sự hộ trì của Thư Cừ Mông Tốn hộ trì. Căn cứ các ký, ghi nhận có thể thấy, niên đại dịch kinh của Ngài từ đời Bắc Lương, năm thứ ba niên hiệu Hoàng Thủy (414 Tây lịch) trải qua mười lăm năm mới thôi (426 TL) Đến năm thứ nhất niên hiệu Vĩnh Hòa (433) thì Đàm Vô Sấm chết, thọ bốn mươi chín tuổi. Đàm-Vô-Sấm là người Trung Thiên Trúc, có người bảo là người Kế Tân.

Trong các Ký lục của Phật giáo thì Đàm-Vô-Sấm là một vị thông hiểu về chú thuật, mọi việc nhắm làm đến đều có ứng nghiệm, Tây vực gọi Ngài là Đại chú sư (Xuất Tam tạng Ký tập, quyển mười bốn Cao Tăng truyện, quyển hai). Trong Xuất Tam Tạng ký tập nói: Đàm Vô Sấm đi theo Quốc vương vào núi, Quốc vương khát nước, Đàm Vô Sấm trì chú, làm cho đá khô chảy nước ra; cố ý nói đó là do ân nhuần của Đại vương đã cảm ra như thế”. Dường nhiên Quốc vương hết sức mừng rỡ, cũng là tôn sùng Đàm Vô Sấm. Nhưng trải thời gian lâu, quốc vương bạc đãi Ngài, bởi thế Đàm Vô Sấm suy nghĩ đọc chú cho rỗng vào bình, làm cho thiên hạ hạn hán, sau đó thả rồng tuôn mưa xuống thì liền được quốc vương ưu đãi trở lại. Sự việc ấy bị lộ ra ngoài, quốc vương muốn giết, Ngài bèn chạy trốn đến Tây vực (phần này tương đồng trong Cao Tăng truyện). Đàm Vô Sấm đã vì muốn có được sự ưu đãi, cúng dường sung túc của quốc vương mà, không tiếc thiên hạ bị đại hạn, hại khổ vô số người dân; từ lập trường Phật pháp tại nhơn gian mà nói thì hành vi và tâm thái của Đàm Vô Sấm là tà ác bỉ ổi biết bao! Cái thần nghiệm vô địch của một vị Đại chú sư không liên can gì tới Phật giáo thuần chánh! Thật ra, Đàm Vô Sấm với hành vi tà vạy ấy, còn vương mắc nhiều đấy, như Ngụy Thư (q.99). Liệt Truyện (quyển 87) Thư Cừ Mông Tồn truyện thuyết:

“Bắt đầu, Sa môn nước Kế Tân là Đàm Vô Sấm từ Đông truyền vào nước Thiện Thiện, tự nói mình có thể sai quỷ, trị bệnh, làm cho người nữ có nhiều con. Sau, cùng em gái vua nước Thiện Thiện là Mạn đầu đà lâm tư thông, bị phát giác bèn trốn đến Lương Châu, Mông Tồn sủng ái, gọi Ngài là Thánh nhân. Đàm Vô Sấm dạy thuật nam nữ giao tiếp cho các phụ nữ, con gái của Mông Tồn cũng theo học pháp với Ngài.

Bắc sử (quyển 97) nói cũng vậy. Đàm Vô Sấm sai khiến quỷ thần, trị bệnh, là thường thôi, mà đặc biệt là thuật nam nữ giao tiếp, dạy cho phụ nữ có thể sinh con như ý muốn. Cái thuật nam nữ giao tiếp tức chính là sự nam nữ hòa hợp của Vô thượng Du già của “hai hai giao hội”. Nhưng trình độ của Đàm Vô Sấm tu đạt đến mức độ nào thì không thấy nói đến; ly kỳ nhất là chuyện con gái của Mông Tồn Thư Cừ, đều theo Ngài học tập.

Lại trong Bắc sử (quyển 97), Liệt Truyện (quyển 81), “Tiềm Ngụy Phụ Dong” nói: Mông Tồn bản tánh háo dâm, tàn nhẫn thích giết chóc, trong khuê đình không có kỷ cương phong cách. Sự dâm loạn, nghi kỵ, tàn khốc là tính cách của Mông Tồn. Thư Cừ là họ vốn người Hồ, trước làm quan Hung Nô, hiệu là Thư Cừ, nhân đó lấy làm họ. (Thông chí. Thị tộc lược). Dâm loạn, tàn nhẫn, không có lễ nghi phép tắc trong khuê đình đúng là giống với người Hồ của thời đại văn hóa thấp kém thô bạo. Trong khuê đình không có kỷ cương phong cách, đó chính là cảnh con gái, con dâu đều theo Đàm Vô Sấm học thuật “Nam nữ giao tiếp. Tính cách háo dâm của Mông Tồn tuy không có văn chứng minh nhưng e rằng cũng học từ Đàm Vô Sấm. Học tập và có bất chước mới hết lòng sủng ái Đàm Vô Sấm mà tôn sùng gọi là Thánh nhân. Trước khi đến Lương Châu cũng chính bởi vì truyền bá học thuật ấy mà đã tư thông với em vua là Mạn-đầu-đà-lâm. Vua Thiện Thiện nửa tin nửa ngờ phân xử. Ngài mới chạy trốn đến Lương Châu. Danh từ “tư thông” ít nhiều xuất xứ từ quan niệm luân lý xã hội, nhưng nếu ở những khu vực có nền văn hóa thấp kém, lạc hậu, có tập quán thần bí tín ngưỡng thì việc làm của em vua kia, chính là cúng dường cho sự tu hành của thượng sư đấy chứ!

Đàm Vô Sấm bị giết chết, nguyên nhân cái chết, theo Cao Tăng truyện

của Phật giáo nói: Đời Ngụy, Thái Võ Đế biết phép thuật của Đàm Vô Sấm nên nhiều lần phái người đến yêu cầu Thư Cừ Mông Tốn để Đàm Vô Sấm về Bắc Ngụy. Mông Tốn vừa sợ Đàm Vô Sấm dùng chú thuật giúp Bắc Ngụy thêm thế lực, phần sợ đắc tội với Thái Võ Đế. Đàm Vô Sấm hiểu rõ tình cảnh khó xử đó bèn lấy danh nghĩa đi Tây Vực cầu Kinh mà bỏ đi. Mông Tốn bèn phái người theo giết. Nhưng “Bắc sử” lại nói như vậy: “Thái Võ Đế nghe các người hành đạo ca ngợi

phép thuật của Đàm Vô Sấm, bèn mời đến. Mông Tốn không muốn cho đi bèn thổ lộ mọi chuyện của Ngài, mà truy cứu giết đi”. Mông Tốn quả thực là người dâm loạn, nghi kỵ, tàn ác, hiếu sát. Không muốn Đàm Vô Sấm đi, cũng không dám lưu giữ, trước tình hình khó xử bèn rêu rao Đàm Vô Sấm là ô uế nhiễu loạn cung đình mà bị tra khảo giết chết....

Thuật nam nữ giao tiếp, thuật trị bệnh, sai khiến quỷ của Đàm Vô Sấm đúng là phong cách của bí mật Đại thừa.

Một truyền thuyết: Truyền thuyết diệt pháp ở thành (Kashmir) Ca-thấp-di-la – Kế Tân, truyền thuyết không giống nhau, nhưng cũng phải có sự thật. Vào năm thứ hai niên hiệu Diên Hưng đời Ngụy (472 TL). Phó pháp tạng Nhân duyên truyện của Cát-ca-dạ (kinkara) biên dịch (quyển 6) nói: “Có Tỳ kheo tên Sư Tử ở nước Kế Tân làm nhiều Phật sự. Bấy giờ thời vua Di-la-quật, sống với tà kiến lấy lòng, tâm không kính tin, vua phá hư hỏng chùa tháp ở Kế Tân, giết hại chúng Tăng, lấy gươm bén hất đầu Sư Tử luôn. Trong đầu không có máu, chỉ có sữa phún ra, cùng giao phó pháp cho người rồi chết”. Tỳ kheo Sư Tử (si nha) bị giết, theo “Phật tổ thống kỷ” (quyển 5) có nguyên nhân khác, đó là tôn giả Sư Tử hoàng hóa ở nước Kế Tân, tiếng tốt đồn xa. Có hai ngoại đạo là Ma-mục-đa và Bộ (hoặc Đô) lạc-giá, hai người trước học phép huyền thuật bèn giả mạo hình thức Tăng, lên vào cung vua, dâm phạm với vợ vua. Còn nói: nếu việc không thành sẽ đổ tội cho Thích tử. Rồi chuyện bại lộ, vua nổi giận mới phá hủy chùa, giết Tăng, chặt đầu Sư Tử. “Phật tổ lịch đại thông tải” (quyển 5) cũng có chỗ ghi chép tương đồng. Như vậy, Tỳ kheo Sư Tử bị giết, Phật giáo Kế Tân bị phá hoại hoàn toàn ấy là do ngoại đạo giả mạo Thích tử, vào cung dâm loạn mà đưa đến hậu quả đó. Nhưng sách “Kế Tân chư vương sử” của Ca-nhĩ-ha-na-bát-đề-đa (Kalhana pandita) soạn tập thì nói: Đời Na Lạp (Nara) thứ nhất từng xây cất một ngôi già-lam, một vị hành giả Phật giáo sống trong già lam ấy, dùng ma lực chiêu dụ vợ vua, làm cho Na Lạp (Nara) đời thứ nhất nổi giận mới đốt cháy ngôi già lam ấy cùng hàng ngàn già lam sở thuộc. Về tên vua nói không giống nhau, còn chuyện dâm loạn với vợ vua thì giống nhau “Phật tổ thống kỷ” nói ngoại đạo giả mạo làm Thích tử, e là có thể văn phô diễn thêm trong truyền thuyết của tín đồ Phật giáo mà thôi! Vào cung dâm loạn không phải là một việc tư thông bình thường mà chính là huyền thuật, dùng ma lực dụ gạt. Huyền thuật, ma lực là thuộc tôn giáo, thuật nam nữ giao tiếp thần bí là thuộc Tính lực pháp trong Ấn độ giáo, là Vô thượng Du già của Bí mật Đại thừa. Theo sự ghi nhận của Huyền Trang thì Phật giáo Ca-thấp-di-la (Kash-mir) đã chịu đựng bị hai lần phá hoại:

1) “Đại Đường Tây vực ký” (quyển hai) nói: (Sau khi vua Ca-nhĩ-sắc-ca (Kaniska) qua đời, người Thổ-trước-ngật-lợi-đa (Krita) giành lấy chính quyền, phá hoại Phật pháp. Sau đó nhờ lực lượng của vua Hê-ma-đát-la (Hematala) giúp đỡ Phật giáo mới phục hưng trở lại.

2) Cuối thế kỷ thứ năm Tây lịch vua của Đại tộc Yểm đạt là Ma-hê-la củ la

(còn dịch là Mi-chi-cát-la-câu, Di-la-quật, Bà-hầu-la- câu-bà) xâm nhập Ấn độ. Phật giáo ở vùng Bắc Ấn độ bị tàn phá nghiêm trọng, như có nói trong sách “Phó pháp tạng Nhân duyên quyển năm”, “Đại Đường Tây vực ký quyển ba”. “Liên Hoa điện kinh quyển hạ”. Truyền thuyết vào cung dâm loạn với vợ vua, ma lực dụ gạt vợ vua, nhân sự dâm loạn thần bí mà đưa đến pháp bị diệt ở Kế Tân, đó là chuyện có trước sự phá hoại của Ma-hê-la-củ-la. Như sách “Đại Uy Đức Đà-la-ni kinh: (quyển 17) của Xà-na-quật đa (Jnanagupta) đời Tùy nói:

“Các thầy Tỳ kheo ấy đến nhà, trước dùng lời nhiếp hóa, sau dùng phương tiện khiến làm việc mình. Trong nhà ấy cùng nói chuyện với nhau xong, rồi ở lại đây, thị hiện thân ghê nhột. Người tục bị nhiều thứ mê hoặc, mọi thứ chỉ dạy rằng: Bên ấy nên cho ta, Như Lai phó chúc cho người, những cần thiết của người bệnh. Bên ấy đáp rằng: Ngày mai ông đến, như nhà của ông không khác... Ta sống ở đây mười năm cố gắng tìm cầu hãy còn chưa được các pháp này, như người hôm nay, trong một đêm thôi mà được pháp này”.

Thường đến nhà người thế tục, tiếp nhận bạch y, đạo nhiệm ái cùng nhau, bỏ lìa giới hạnh. Do nhân duyên ấy mà diệt giáo pháp này. Lúc ấy, trong thành vua nghe việc đó, nổi cơn giận dữ, bắt lấy ba ngàn Tỳ kheo cùng lúc giết cả”. Sự thật nhân duyên diệt giáo pháp này như vậy rõ ràng, không chỉ là một người hành giả Phật giáo, ngoại đạo, mà là số nhiều Tỳ-kheo.

Kinh văn không nói rõ ở Kế -Tân, nhưng tiếp theo Kinh nói: Một số Tỳ kheo vượt sông đến thành Đa-sát-thi-la (Taksasila), đây có thể hiểu là Kế-Tân. Trong kinh còn nói các vùng biên địa, chỗ vua Bà- hầu-la-thư-bà đến, rất nhiều Tỳ-kheo đều trốn chạy, tự viện phương Bắc đều bị phóng hỏa đốt trụi. Trước khi đại tộc vương phá hoại, Phật giáo Kế Tân đã suy lạc quá rồi, bị quốc vương phá hoại giết hại, kinh văn ẩn ý ước định, thực tế là có quan hệ tới nam nữ. Nhưng, không phải tư thông mà là công khai bảo rằng: “ Bên ấy nên cho ta, Như Lai phó chúc cho người”. Cốt yếu người nữ hiến dâng thể xác, vì đây là lời Phật

nói. Dưới sự tín ngưỡng Phật giáo đầy nhiệt tình, đã vậy còn là lời Phật nói thì đại cúng dường công đức vô biên, bên cùng bên ấy hòa hiệp, đó chính là dùng “phương tiện khiến làm chuyện riêng của mình”. “Như nhà mình không khác” là nghiêm nhiên giống như vợ chồng. Còn nói là ta cố gắng tìm cầu Phật pháp sau mười năm mới đạt được như người hôm nay trong một đêm mà được pháp này”. Ngay một đêm học hiểu Phật pháp thì tức là pháp hoan hỷ, pháp hai thân hòa hợp của Vô thượng Du già. Sau này Thái tử của Nguyên Thuận Đế cũng nói: “Chư Tăng Tây thiên dạy ta kinh Phật, một đêm ta liền hiểu” (Nguyên quyển hành, Canh thân ngoại sử, quyển hạ).

Cái bí pháp, một đêm học hiểu , thời kỳ đầu lưu hành đã bị Phật pháp chánh thống chống cự cũng là điều mà xã hội không thể chấp nhận. Cho nên Phật giáo Kế Tân bị phá hoại nghiêm trọng. Nơi đây vốn là trọng trấn của thuyết Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivadin), bị phá hoại rồi lại được khôi phục phẩm cách suy sút của Tăng đồ. Họ thọ trì “Căn bản thuyết Nhất thiết hữu bộ luật, nói rất cùng là không có việc hủy phạm hoàn toàn bốn giới căn bản mà sám hối, còn được kể là Bí số (theo quy tắc thường lệ, phạm một trong giới căn bản thì không còn là Tỳ kheo và bị đuổi khỏi Tăng đoàn). Do vậy đã bị Thế Thân (vasu- bandhu) trách mắng nghiêm khắc: Lời nói này hung ác lắm! Nếu người như vậy còn tính Tỳ kheo thì nên tự mình quy y lễ lạy loại Tỳ kheo như vậy” (A tỳ đạt ma Câu-xá-luận quyển 15). Gần đây hành giả bí mật là ông Trần Kiện Dân đã viết sách Thiền Hải đăng tháp (mười chương) trong ấy nói:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

“Lúc này, nên lìa khỏi làng nước, đến những nơi đất hoang sơ xa xôi mà sống, giả vờ là kẻ đau thần kinh, hướng tới vùng biên địa không kính trọng lễ giáo như một dây Tây khang, Tây tạng sẽ có thể có nhiều cơ hội, đã không bị hình phạt của nhà quan, cũng như không bị phê bình bởi tầng lớp sĩ, đại phu. Lúc này, đã sớm có thần thông, phụ nữ nơi dây Khang, Tạng tự biết trước giờ đem thân cúng dường, nhân công phu này ắt sống lâu dài mãi”.

Theo ý ông Trần đây, tham thiền đến mức bùng nổ rồi (tới nhà rồi) còn phải tiến lên một bậc nữa tức là công phu trên dưới với sự hòa hợp nam nữ. Ông ta không muốn nhận lễ giáo, không muốn bị gò bó trong xã hội văn minh, khen ngợi biên địa không biết trọng lễ giáo. Thật ra, khu vực Khang, Tạng đã được huân tập tín ngưỡng tôn giáo bí mật dục lạc từ cả trăm ngàn năm nay rồi; thêm vào đó chính, giáo hợp nhất, người nữ mới hiểu và tự động đến hiến dâng thân thể. Nếu không

như vậy thì văn hóa lạc hậu nơi biên địa, không nhất định để hành giả bí mật xứng tâm như ý đâu! Mọi chuyện chẳng cần nói, chúng ta cũng có thể thấy Phật giáo Kế Tân bị ảnh hưởng bởi huyền thuật, bởi ma lực, bởi “một đêm đã đạt được pháp này”, mà dẫn đến bị phá hoại, là một sự kiện bi thảm nhất của Phật giáo; đệ tử Phật chánh thuần phải luôn luôn nghĩ tưởng rõ về Phật giáo!

Ghi chú:

Phần Mật giáo thuộc Ấn Độ giáo, chứ không phải của Phật

Vì những lý do trên, nên tôi cho dịch: Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh ra chữ Việt bỏ phần Mật giáo. Nếu dịch phần Mật giáo ra chữ Việt phải tốn 16 tập. Xin quý đọc giả liễu tri.

Tỳ kheo Thích Tịnh Hạnh